TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

BỘ MÔN:NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY TUẦN Từ ngày 26.12.2022 đến ngày 1.1.2023

Họ và tên	Tiết	Thứ 2 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 3 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 4 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 5 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 6 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)
Nguyễn T. Xuân Hương	1,2,3					
	4,5,6					
	7,8,9					
	10,11,12					
	13,14,15					
Lê Thị Kim Dung	1,2,3					
	4,5,6			ĐB/CH25		
	7,8,9					LT/Y4K52/05+06
	10,11,12					
	13,14,15					
Hoàng Thị Huế	1,2,3				ĐB/BSNT15	
	4,5,6		ĐB/CKI26			
	7,8,9					
	10,11,12					
	13,14,15					
Đỗ Thái Sơn	1,2,3					
	4,5,6		ĐB/CKI26	TLCBVDSS/Y6K50.03/BVTW		
	7,8,9		LT/Y4K52/05+06			
	10,11,12					
	13,14,15					
Trần Tuấn Anh	1,2,3	TLCB/Y4K52/06/BVA	TLCB/Y4K52/06/BVA	TLCB/Y4K52/06/BVA	TLCB/Y4K52/06/BVA	TLCB/Y4K52/06/BVA
	4,5,6		TCBNH-KT/Y4K52/06/BVA ĐB/BSNT14	BBAVPQPY4K52/06/BVA	ĐB/Y4K52/06/BVA	CKTTX/Y6K50.03
	7,8,9					
	10,11,12					

LỊCH PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY TUẦN Từ ngày 26.12.2022 đến ngày 1.1.2023

Họ và tên	Tiết	Thứ 2 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 3 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 4 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 5 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 6 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)
	13,14,15					
Nguyễn Thị Phượng	1,2,3					
	4,5,6		ĐB/Y6K50.03/BVTW			
	7,8,9		LT/Y6K50.03			
	10,11,12					
	13,14,15					
Dương Quốc Trưởng	1,2,3					
	4,5,6		ĐB/Y6K50.03/BVTW			CKTTX/Y6K50.03
	7,8,9	LT/Y6K50.03				
	10,11,12					
	13,14,15					
Bế Hà Thành	1,2,3	TLCB/Y4K52/05/BVGT	TLCB/Y4K52/05/BVGT	TLCB/Y4K52/05/BVGT	TLCB/Y4K52/05/BVGT	TLCB/Y4K52/05/BVGT
	4,5,6		TCBNH-KT/Y4K52/05/BVGT	BBAVPQPY4K52/05/BVGT	ĐB/Y4K52/05/BVGT	
	7,8,9					
	10,11,12					
	13,14,15					
Nguyễn T. Thu Huyền	1,2,3	TLCB/Y6K50.03/BVTW	TLCB/Y6K50.03/BVTW	TLCB/Y6K50.03/BVTW	TLCB/Y6K50.03/BVTW	TLCB/Y6K50.03/BVTW
	4,5,6		ĐB/Y6K50.03/BVTW			CKTTX/Y6K50.03
	7,8,9				LT/Y4K52/05+06	
	10,11,12					
	13,14,15					
Nguyễn Văn Bắc	1,2,3					BBASS/Y6K50.03/BVTW
	4,5,6		ĐB/Y6K50.03/BVTW			CKTTX/Y6K50.03
	7,8,9				LT/Y6K50.03	
	10,11,12					
	13,14,15					

LỊCH PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY TUẦN Từ ngày 26.12.2022 đến ngày 1.1.2023

Họ và tên	Tiết	Thứ 2 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 3 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 4 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 5 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 6 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)
Nguyễn Văn Sơn	1,2,3		ĐB/BSNT15			TLCBTC/CKI26/BSNT14+15
	4,5,6	TLCB/CH25/CKI26/BSNT14/BSNT15/CKII15	TLCB/CH25/CKI26/BSNT14/BSNT15/CKII15	TLCB/CH25/CKI26/BSNT14/BSNT15/CKII15	TLCB/CH25/CKI26/BSNT14/BSNT15/CKII15	TLCB/CH25/CKI26/BSNT14/BSNT15/CKII15
	7,8,9				LT/CKI26	
	10,11,12					
	13,14,15					
Nguyễn Thành Trung	1,2,3					
	4,5,6		TLCB/CKII15		TLCBTC/CKII15	
	7,8,9		LT/CKII15		LT/CKII15	
	10,11,12					
	13,14,15					
Phạm Trung Kiên	1,2,3					
	4,5,6			TLCBTC/CKI26/BSNT14+15		
	7,8,9			LT/CKI26		
	10,11,12					
	13,14,15					
Phạm Thị Hương	1,2,3					
	4,5,6				ĐB/Y4K52/05/BVGT	
	7,8,9					
	10,11,12					
	13,14,15					
Nguyễn Thị Yến	1,2,3					
	4,5,6				ĐB/Y4K52/06/BVA	
	7,8,9					
	10,11,12					
	13,14,15					

Giáo vụ bộ

LỊCH PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY TUẦN Từ ngày 26.12.2022 đến ngày 1.1.2023

Họ và tên	Tiết	Thứ 2 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 3 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 4 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 5 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Thứ 6 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)

Hoàng Thị

Thứ 7 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	**Chủ Nhật** (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)

Thứ 7 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	**Chủ Nhật** (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)

Thứ 7 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	**Chủ Nhật** (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)

môn

Thứ 7 (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)	Chủ Nhật (ĐT, Đ.điểm, hình thức giảng)

Huế